

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-PT
Ngày 13-01-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Thị Bích Diệp

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2022/QĐXXPT-DS ngày 24/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2022/QĐ-PT ngày 09/12/2022 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số 43/TB-TA ngày 19/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); trụ sở: tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà ST – 111A PA, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: tầng 6, Tòa nhà PS, 26 U, Phường 25, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Văn L và ông Đầu Văn L1; cùng địa chỉ: tầng 6, Tòa nhà PS, 26 U, Phường 25, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/11/2022). Bà H, ông L1 có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Huy B2, sinh năm 1981; địa chỉ: số 367/30 X, khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: số Chung cú TT, Block A, tầng 15.09, đường D9, phường N1, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 03/8/2022); có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Cháu Trịnh Huy Gia L, sinh năm 2007 và cháu Trịnh Thị Thảo N1, sinh năm 2011; địa chỉ: số 367/30 X, khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Gia L và cháu Thảo N1: Ông Trịnh Huy B2, sinh năm 1981; địa chỉ: số 367/30 X, khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Trịnh Huy B2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/8/2020 Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (gọi tắt là VIB) và anh Trịnh Huy B2 ký kết Hợp đồng tín dụng số 9861429.20 với nội dung: VIB cho Anh B vay số tiền 1.600.000.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua bất động sản tại địa chỉ: thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 39, khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương; thời hạn vay: 360 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,8%/năm, áp dụng trong 12 tháng đầu tiên sau đó sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3,9%/năm. Phương thức trả: tiền gốc trả hàng tháng vào ngày 20, từ tháng 1-24 mỗi tháng trả 1.500.000 đồng, từ tháng 25 đến tháng 359 mỗi tháng trả 4.655.000 đồng, tháng cuối cùng trả hết dư nợ còn lại; Ngày trả lãi là ngày 20 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 20/9/2020. Trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ.

Để bảo đảm cho khoản vay, anh Trịnh Huy B2 ký kết Hợp đồng thế chấp số công chứng 013420, quyền số 21/TP-CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Thanh V, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 01/10/2020 và Hợp đồng thế chấp song phương quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai ngày 18/8/2020. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1312, tờ bản đồ số 39, địa chỉ: khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 163482, số vào sổ cấp GCN: CS16889 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/9/2020 đứng tên anh Trịnh Huy B2 và tài sản gắn liền trên đất. Việc đăng ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đối với nhà là tài sản gắn liền với đất do chưa được đăng ký quyền sở hữu nên chưa đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngày 20/8/2020 VIB đã giải ngân cho anh Trịnh Huy B2 theo Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số 9861429 (1).20 với số tiền 1.600.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trịnh Huy B2 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký từ kỳ trả nợ gốc và lãi tháng 9/2021, chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/9/2021. Cụ thể: Anh B đã thanh toán nợ đúng hạn đến hết kỳ hạn nợ tháng 8/2021 (ngày 19/8/2021), và phát sinh dư nợ từ ngày 20/8/2021

đến ngày 20/9/2021, tổng cộng 1.594.347.778 đồng, gồm tiền gốc 1.580.050.000, lãi trong hạn 13.847.778 đồng, hạn thanh toán là ngày 20. Ngân hàng VIB có nhận được đơn đề nghị cơ cấu nợ của anh Trịnh Huy B2 lần 1 là ngày 08/10/2021. Anh B chỉ nộp đơn, ngoài ra không kèm theo tài liệu gì khác. Sau khi tiếp nhận đơn, Ngân hàng có văn bản trả lời ngày 16/10/2021 cho Anh B có nội dung từ chối việc Anh B đề nghị cơ cấu nợ. Lý do Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Anh B như sau: Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Thông tư 01/2020, đến ngày nhận được Đơn đề nghị của Anh B thì Anh B đã bị quá hạn thanh toán 19 ngày (20/9/2021-08/10/2021), quá hạn 09 ngày so với quy định. Anh B không nộp tài liệu chứng cứ kèm theo để chứng minh việc giảm sút thu nhập cho dịch COVID 19 và khả năng thanh toán nợ nếu được xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Do đó Ngân hàng VIB nhận thấy Anh B không đủ điều kiện để được cơ cấu lại nợ. Sau khi ban hành Ngân hàng có gửi văn bản trên cho khách hàng ngày 16/10/2021, tuy nhiên thư bị chuyển hoàn do khách hàng không nghe máy nên không giao được. Tạm thời Ngân hàng chưa tìm được liên EMS đối với bưu phẩm này.

Ngày 29/10/2021 khách hàng gửi Đơn đề nghị cơ cấu nợ lần 2. Ngày 01/11/2021 Ngân hàng nhận được đơn. Sau đó ngày 04/11/2021 Ngân hàng trả lời Anh B bằng văn bản số 7048805.21. Ngân hàng có gửi thư cho Anh B văn bản trên, do bị thất lạc biên lai gửi thư nên không kiểm tra được Anh B đã nhận được thư hay chưa. Bên cạnh đó do thời điểm dịch bệnh đi lại khó khăn nên nhân viên Ngân hàng có liên hệ qua điện thoại với chị N3, là đại diện của Anh B để báo về việc nợ quá hạn và không chấp nhận cơ cấu lại nợ.

Ngoài ra, Ngân hàng đã gửi Thông báo nợ quá hạn ngày 14/10/2021, Thư mời làm việc ngày 09/11/2021 về việc mời Anh B đến làm việc liên quan đến khoản nợ quá hạn, các Thông báo thu hồi toàn bộ dư nợ và chuyển nợ quá hạn đối với khách hàng. Tuy nhiên Anh B không thanh toán khoản nợ quá hạn cho VIB. Nay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Trịnh Huy B2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền tính đến ngày 23/9/2022 là: 1.780.776.601 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.483.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.420.197 đồng, nợ lãi quá hạn: 290.356.404 đồng.

Tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi anh Trịnh Huy B2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký số 9861429.20 ngày 18/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 9861429(1).20 ngày 20/8/2020.

Trong trường hợp anh Trịnh Huy B2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam có quyền được tự phát mại các tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1312, tờ bản đồ số: 39, địa chỉ: Khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 163482, số vào sổ cấp GCN: CS 16889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/9/2020 đứng tên anh Trịnh Huy B2 và bao gồm nhưng không giới hạn các vật phụ, hoa lợi, lợi tức, các quyền phát sinh từ tài sản thế chấp, tài sản hay tiền đền bù, bồi thường của cơ quan nhà nước hoặc bên thứ ba bất kỳ và toàn bộ các quyền, quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm ký giữa anh Trịnh Huy B2 và công ty bảo hiểm bất kì được Ngân hàng chấp nhận.

Bất kỳ thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào của anh Trịnh Huy B2 đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp được coi là bộ phận không tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh Trịnh Huy B2 là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị là vợ cũ của anh Trịnh Huy B2, đã ly hôn từ năm 2017. Anh Trịnh Huy B2 là chủ sử dụng đất của thửa đất số: 1312, tờ bản đồ số: 39, địa chỉ: Khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CO 163482, số vào sổ cấp GCN: CS 16889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/9/2020 đứng tên anh Trịnh Huy B2 và toàn bộ tài sản gắn liền. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất trên, trên thửa đất trên đã có nhà, tuy nhiên chưa hoàn công nên không thể làm thủ tục để thể hiện nhà trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp. Chị đã ly hôn với Anh B từ lâu nên không có quyền lợi gì liên quan đối với nhà đất này. Sau khi mua đất do Anh B thiếu tiền để trả nợ nên Anh B làm thủ tục đề nghị vay tiền tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi làm việc Anh B N1 ký kết với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 9861429-20 ngày 18/8/2020 (như hợp đồng Ngân hàng cung cấp), số tiền vay là 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 30 năm (360 tháng), lãi suất trong hạn, quá hạn... theo quy định tại Hợp đồng. Ngày thanh toán là từ ngày 20-30 hàng tháng. Để đảm bảo khoản vay này, Anh B ký kết với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8612142.29.625 ngày 01/10/2020, Hợp đồng thế chấp song phương quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai ngày 18/8/2020, thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất nói trên. Sau khi hoàn tất các thủ tục vay tiền, Anh B đã nhận đủ số tiền vay là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) thông qua việc Ngân hàng chuyển toàn bộ tiền vay vào tài khoản người chuyển nhượng đất cho Anh B. Quá trình thực hiện hợp đồng Anh B vẫn thanh toán đầy đủ, đúng hạn, chưa

quá hạn ngày nào. Sau khi mua nhà đất như trên, Anh B có sửa chữa lại nhà năm 2022, chi phí sửa chữa khoảng 200 triệu đồng. Thời điểm vay tiền Ngân hàng, anh Trịnh Huy B2 đang làm nhân viên sơn nước của công ty xây dựng ở thành phố A. Từ ngày 05/7/2021 thì ở thành phố A bị đông cứng khóa chặt theo Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ và quyết định của UBND thành phố A, tỉnh Bình Dương, một phần do không thể đi lại được, phần khác vì ngành xây dựng ảnh hưởng dịch không có việc làm nên Anh B nghỉ việc cho đến nay, chưa làm công việc gì khác nên không có thu nhập từ lương công ty. Do đó từ khoảng tháng 9, 10, 11, 12/2021 và tháng 01, 02/2022 (6 tháng) Anh B không có tiền để đóng cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Ngày 29/9/2021 Anh B làm Đơn đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giảm mức lãi suất và giữ nguyên nhóm nợ đề ngày 29/9/2021 để gửi Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam qua đường bưu điện, sau đó đến ngày 29/10/2021 làm Đơn đề nghị lần 2 gửi Ngân hàng. Theo đề xuất Anh B đề nghị được cơ cấu kéo dài thời gian trả nợ thêm 06 tháng từ tháng 09/2021 đến hết tháng 02/2022, ngoài ra không yêu cầu giảm lãi, miễn lãi. Lý do đề nghị cơ cấu nợ: ảnh hưởng của dịch, không có thu nhập nên xin cơ cấu lại nợ, ổn định công việc sẽ tiếp tục đóng tiền bình thường. Trước đó do dịch bệnh Anh B không ra ngoài được nên đến ngày 29/9/2021 mới làm đơn gửi Ngân hàng và không nộp được tài liệu nào khác kèm theo. Tuy nhiên sau khi gửi thư thì Anh B không hề nhận được hồi đáp từ Ngân hàng mặc dù bưu điện báo đã gửi thư thành công cho Ngân hàng. Anh B cũng không nhận được yêu cầu gì của Ngân hàng về việc bổ sung tài liệu liên quan đến Đơn đề nghị của Anh B nên Anh B không biết phải nộp bổ sung thêm tài liệu gì và mặc định Ngân hàng đã cho cơ cấu lại nợ. Ngày 28/10/2021 Anh B có nhận được Thông báo nợ quá hạn lần 2 do hàng xóm đưa lại có tên Ngân hàng VIB nhưng không ký tên, không có đóng dấu nên Anh B không tin, nghi ngờ lừa đảo. Sau đó chị N3 (đại diện Anh B) nhận được điện thoại của Ngân hàng gọi lên làm việc, chị lên làm việc theo Biên bản làm việc ngày 27/12/2021, trong đó Ngân hàng cũng không trả lời Đơn đề nghị của Anh B. Như vậy cho đến nay Ngân hàng không có văn bản trả lời hay trả lời miệng với Anh B và chị về việc có đồng ý cho cơ cấu lại nợ hay không. Chị là đại diện của Anh B đã tìm hiểu rõ các quy định của Ngân hàng nhà nước (Thông tư 01/2020, Thông tư 14/2021) nên rất rõ các quy định của Ngân hàng nhà nước liên quan đến việc cơ cấu nợ và nhận thấy Anh B có đủ điều kiện và mới làm đơn yêu cầu cơ cấu nợ như trên.

Từ tháng 3/2022 cho đến nay Anh B tiếp tục đóng tiền với mức 17, 18 triệu đồng/tháng theo như thỏa thuận ban đầu với Ngân hàng, đóng trước ngày đến hạn là ngày 30 hàng tháng.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì ý kiến của Anh B như sau: Anh B đã có văn bản yêu cầu Ngân hàng thực hiện việc cơ cấu lại nợ (giãn nợ 6 tháng dịch bệnh), ngoài ra Anh B vẫn đóng tiền hàng tháng đầy đủ cho đến nay, do đó Anh B không vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Theo các thông tư của Ngân hàng nhà nước thì Anh B đủ điều kiện để cơ cấu lại thời gian trả nợ, giảm lãi tuy nhiên Anh B có thiện chí trả nợ, không yêu cầu giảm lãi, chỉ xin cơ cấu lại nợ. Do đó Anh B không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng, không đồng ý Ngân

hàng VIB tính lãi quá hạn, đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại nợ cho Anh B thêm 6 tháng để có tiền thanh toán và tiếp tục thực hiện hợp đồng đã ký.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án: Quyền sử dụng đất thế chấp thuộc thửa 1312, tờ bản đồ số 39, diện tích 87,7m² (trong đó đất ở 60m², đất trồng cây lâu năm 27,7m²), địa chỉ tại khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Trên đất có các tài sản gắn liền như sau: Nhà ở riêng lẻ loại 02 tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, bên hông có ốp gạch men lửng và có tranh vẽ sơn dầu, khung cột, sàn bê tông cốt thép, trần thạch cao, cửa gỗ + cửa kính, khung sắt, mái tôn. Nhà tạm phía trước có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, bên có ốp gạch men và tranh sơn nước, khung sắt, cột gạch + sắt hộp, kèo sắt hộp, mái tôn, cửa sắt. 01 đồng hồ nước và 01 đồng hồ điện kế chính. Nhà đã tồn tại từ thời điểm thế chấp, Anh B có sửa chữa năm 2022 (đổ mái, sơn lại, ốp gạch, làm lại cửa). Nhà xây dựng hết diện tích đất. Tại nhà đất có anh Trịnh Huy B2, con là Trịnh Huy Gia L và Trịnh Thị Thảo N1 sinh sống, ngoài ra không có ai khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố A đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 92, 147, 157, 158, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam đối với bị đơn anh Trịnh Huy B2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc anh Trịnh Huy B2 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 9861429.20 ngày 18/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/8/2020 tính đến hết ngày 23/9/2022 là 1.780.776.601 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.483.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.420.197 đồng, nợ lãi quá hạn: 290.356.404 đồng.

1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi anh Trịnh Huy B2 trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất, phí thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9861429.20 ngày 18/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/8/2020.

1.3. Trường hợp anh Trịnh Huy B2 không thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 013420, quyền số 21/TP-CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Thanh V, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 01/10/2020 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 1312, tờ bản đồ số 39, diện tích 87,7 m² (trong đó đất ở 60 m², đất trồng cây lâu năm 27,7 m²), địa chỉ tại khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16889 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/9/2020 cho anh Trịnh Huy B2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất bao gồm: Nhà ở riêng lẻ loại 02 tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, bên hông có ốp gạch men lửng và có tranh vẽ sơn dầu, khung cột, sàn bê tông cốt thép, trần thạch cao, cửa gỗ + cửa kính, khung sắt, mái tôn. Nhà tạm phía trước có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, bên có ốp gạch men và tranh sơn nước, khung sắt, cột gạch + sắt hộp, kèo sắt hộp, mái tôn, cửa sắt; 01 đồng hồ nước và 01 đồng hồ điện kế chính để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Trịnh Huy B2 phải chịu 800.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã nộp tại Tòa án. Anh Trịnh Huy B2 phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 800.000 đồng.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/10/2022, ông Trịnh Huy B2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng VIB và đồng ý thanh toán tiền lãi, không chấp nhận thanh toán tiền lãi quá hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị N là người đại diện hợp pháp cho ông Trịnh Huy B2 không thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trịnh Huy B2 làm trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Trịnh Huy B2, nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng số 9861429.20 ngày 18/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ ngày 20/8/2020, Hợp đồng thế chấp số công chứng 013420, quyền số 21/TP-CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Trần Thanh Vũ, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 01/10/2020 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và bị đơn anh Trịnh Huy B2 trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, đáp ứng các quy định về hình thức hợp đồng nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện.

Theo thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2020 và tại mục 4.2, Điều 4 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng ban hành kèm theo Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2020 quy định: *“Trường hợp bên được cấp tín dụng đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của bất kỳ kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc nợ lãi, Bên được cấp tín dụng phải nêu rõ lý do cơ cấu, khả năng, thời hạn và nguồn trả nợ, kèm theo các tài liệu chứng minh... Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ sẽ chỉ có hiệu lực khi các bên ký kết thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng tín dụng.”*

Thông tư số 14/2021/TT-NHNN, ngày 07/9/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ như sau:

“Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Phát sinh trước ngày 01/8/2021 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính.

2. Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 30/6/2022.

3. Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d Khoản này;

b) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 23/01/2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 29/3/2020;

c) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 23/01/2020 đến trước ngày 10/6/2020 và quá hạn trước ngày 17/5/2021;

d) Số dư nợ của khoản nợ phát sinh từ ngày 10/6/2020 đến trước ngày 01/8/2021 và quá hạn từ ngày 17/7/2021 đến trước ngày 07/9/2021.

4. Được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

5. Khách hàng có đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại.

6. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.

7. Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) phù hợp với mức độ ảnh hưởng của dịch Covid -19 đối với khách hàng và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc kể từ ngày đến hạn của từng số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

8. Việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng thực hiện đến ngày 30/6/2022.”

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn trình bày kỳ trả nợ tháng 9/2021 (ngày đến hạn 20/9/2021) do dịch bệnh khó khăn nên bị đơn không thanh toán gốc, lãi cho nguyên đơn. Từ tháng 3/2022 đến nay bị đơn mới tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng tháng theo đúng thỏa thuận ban đầu. Bị đơn cho rằng bị đơn có đủ điều kiện để được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và đã nộp cho Ngân hàng VIB đơn đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ vào các ngày 29/9/2021 và 29/10/2021. Xét thấy số dư nợ gốc/lãi của bị đơn Trịnh Huy B2 phát sinh từ hoạt động cho vay vào ngày 20/8/2020 (ngày giải ngân) theo Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2020; phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vào kỳ trả nợ tháng 9/2021 (ngày 20/9/2021) là đáp ứng các điều kiện tại khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư 01/2020, sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 14/2021. Thời điểm ông B2 gửi đơn đề nghị cơ cấu nợ (ngày 29/9/2021) và ngày Ngân hàng nhận được đơn của ông (08/10/2021) lần lượt đã quá hạn 09 ngày và 19 ngày kể từ ngày đến

hạn thanh toán trong hợp đồng. Từ ngày 05/7/2021 thành phố A áp dụng cách ly xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ theo Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 04/7/2021 của UBND thành phố A. Từ ngày 15/9/2021 áp dụng nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch covid 19 theo Công văn số 2200/UBND-VX ngày 14/9/2021 của UBND thành phố A, trong đó địa bàn bị đơn cư trú (phường T1) được xác định là vùng xanh. Từ ngày 11/10/2021 điều chỉnh các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo Công văn số 2611/UBND-VX ngày 10/10/2021 của UBND thành phố A. Ngoài ra, thời điểm nộp đơn đề nghị cơ cấu lại thời gian trả nợ ông B2 không trình bày rõ lý do cơ cấu, khả năng, thời hạn và nguồn trả nợ, kèm theo các tài liệu chứng minh.

Do đó việc Ngân hàng VIB không đồng ý cơ cấu lại thời gian trả nợ cho ông B2 là đúng quy định. Bị đơn cho rằng đã nộp đơn, do không nhận được văn bản trả lời của Ngân hàng VIB và VIB cũng không chứng minh được khách hàng đã nhận được văn bản trả lời của VIB. Tuy nhiên xét thấy tại Đơn đề nghị (lần 2) của ông Trịnh Huy B2 có nội dung: “... nhận được điện thoại từ người tên Thẩm đã gọi điện nói trường hợp của tôi không được xét duyệt theo quy định nội bộ của Ngân hàng và yêu cầu tôi tiếp tục đóng tiền gốc, lãi và lãi phạt do trễ hạn...”. Đồng thời tại Biên bản làm việc ngày 27/12/2021, đại diện Ngân hàng đã thông báo cho bị đơn biết về việc khoản vay quá hạn thanh toán và chuyển nợ xấu. Ngoài ra các bên thừa nhận không giao kết bất cứ thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng đã ký kết trước đó theo quy định tại mục 4.2, Điều 4 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng ban hành kèm theo Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2020.

Như vậy việc bị đơn không thanh toán nợ đúng hạn ngày 20/9/2021 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn tính từ ngày khoản dư nợ gốc đến hạn thanh toán (ngày 20/9/2021) theo quy định tại điểm g, khoản 1.4, Điều 4 Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng ban hành kèm theo Hợp đồng tín dụng ngày 18/8/2020. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền tính đến ngày 23/9/2022 là: 1.780.776.601 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.483.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.420.197 đồng, nợ lãi quá hạn: 290.356.404 đồng là có căn cứ. Trường hợp bị đơn không trả số tiền nợ gốc và nợ lãi đúng hạn thì nguyên đơn Ngân hàng VIB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông B2 không cung cấp được chứng cứ mới và phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và từ chối cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ những phân tích và lập luận trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Huy B2. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Huy B2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố A.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 92, 147, 157, 158, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam đối với bị đơn ông Trịnh Huy B2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc ông Trịnh Huy B2 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 9861429.20 ngày 18/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ ngày 20/8/2020 tính đến hết ngày 23/9/2022 là 1.780.776.601 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.483.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.420.197 đồng, nợ lãi quá hạn: 290.356.404 đồng.

1.2. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 24/9/2022 cho đến khi ông Trịnh Huy B2 trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất, phí thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9861429.20 ngày 18/8/2020, Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ ngày 20/8/2020.

1.3. Trường hợp ông Trịnh Huy B2 không thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 013420, quyền số 21/TP-CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Trần Thanh V, tỉnh Bình Dương công chứng ngày 01/10/2020 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 1312, tờ bản đồ số 39, diện tích 87,7m² (trong đó đất ở 60m², đất trồng cây lâu năm 27,7m²), địa chỉ tại khu phố T, phường T1, thành phố A, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 16889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/9/2020 cho ông Trịnh Huy B2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất bao gồm: Nhà ở riêng lẻ loại 02 tầng có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, bên hông có ốp gạch men lửng và có tranh vẽ sơn dầu, khung cột, sàn bê tông cốt thép, trần thạch cao, cửa gỗ + cửa kính, khung sắt, mái tôn. Nhà tạm phía trước có kết cấu: Nền gạch men, tường gạch xây tô sơn nước, bên có ốp gạch men và tranh sơn nước, khung sắt, cột gạch + sắt hộp, kèo sắt hộp, mái tôn, cửa sắt; 01 đồng hồ nước và 01 đồng hồ điện kế chính để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trịnh Huy B2 phải chịu 800.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã nộp tại Tòa án. Ông Trịnh Huy B2 phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền 800.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Huy B2 phải chịu 65.423.298 (sáu mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn hai trăm chín mươi tám) đồng. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam 31.440.750 (ba mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn bảy trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004068 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương.

II. Án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Huy B2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000606 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thẩm phán thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Bích Diệp Huỳnh Thị Thanh Tuyên

Bùi Văn Tâm

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố A;
- TAND thành phố A;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tâm